

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG QN VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG QN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QN VIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QN CONSTRUCTION.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109824541

3. Ngày thành lập: 18/11/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô 3, Khu A1, A2, A3, Cầu Thanh Trì, Phường Cự Khối, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0967.816.667

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (loại trừ đấu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634

19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
25.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
29.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
30.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng	8291
32.	Dịch vụ đóng gói	8292
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
34.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
35.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
36.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
37.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
38.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
39.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
40.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
41.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
42.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
43.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
44.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
45.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
46.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
47.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
48.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
49.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
50.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

51.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (loại trừ đấu giá)	6820
52.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
53.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
54.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
55.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
56.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
57.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
58.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
59.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
60.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
61.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
62.	Cho thuê xe có động cơ	7710
63.	Bán buôn tổng hợp	4690
64.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
65.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
66.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
67.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
68.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
69.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
70.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
71.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
72.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (loại trừ đấu giá)	4791
73.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (loại trừ đấu giá)	4799
74.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
75.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
76.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
77.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
78.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
79.	Vận tải đường ống	4940
80.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011

81.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
82.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
83.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
84.	Vận tải hành khách hàng không	5110
85.	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
86.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
90.	Bốc xếp hàng hóa	5224
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
93.	Bưu chính	5310
94.	Chuyển phát	5320
95.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
96.	Cơ sở lưu trú khác	5590
97.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
98.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
99.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
100.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
101.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
102.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
103.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
104.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
105.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ trung tâm việc làm)	7810
106.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
107.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
108.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
109.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
110.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
111.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
112.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
113.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219

114.	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: xây dựng các loại nhà để ở và tu sửa, cải tạo các khu nhà đã tồn tại (loại từ hoạt động cấu trúc, cầu đường và quản lí các dự án xây dựng công trình)	4101(Chính)
115.	Xây dựng nhà không để ở	4102
116.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
117.	Xây dựng công trình điện	4221
118.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
119.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
120.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
121.	Xây dựng công trình thủy	4291
122.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
123.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
124.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
125.	Phá dỡ	4311
126.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
127.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
128.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
129.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
130.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
131.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
132.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
133.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
134.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
135.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
136.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
137.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
138.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
139.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ THỊ THANH MAI	Thôn Sen Hồ, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	1.500.000.000	30,000	0341850069 08	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.000	1.500.000.000	30,000		
2	PHẠM VĂN QUANG	Thôn Tổng Thổ Trung, Xã Đông Mỹ, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	1.500.000.000	30,000	0340970014 94	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.000	1.500.000.000	30,000		

3	ĐỖ VĂN NAM	Thôn Sen Hồ, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	2.000.000.000	40,000	034085015719
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000	2.000.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN QUANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/09/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034097001494

Ngày cấp: 03/12/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân Cư

Địa chỉ thường trú: Thôn Tổng Thỏ Trung, Xã Đông Mỹ, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tổng Thỏ Trung, Xã Đông Mỹ, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội